

Bản án số:44/2022/HC-ST

Ngày: 30 - 12 - 2022

*“V/v Yêu cầu hủy văn bản trả lời
đơn về việc thu hồi đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Minh Hải

Ông Mai Văn Duẩn

- *Thư ký phiên toà:* Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà:**
Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 65/2022/TLST-HC ngày 24/10/2022 về việc khởi kiện “Yêu cầu hủy văn bản trả lời đơn về việc thu hồi đất”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXX- HCST, ngày 09 tháng 12 năm 2022; giữa các đương sự:

I. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn Công H, xã Hà M, huyện T, tỉnh B. (Có mặt)

II. Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. (Có văn bản đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Phù Đổng Thiên Vương, TP B, tỉnh B.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh: Ông Đàm Đình Đ - Phó giám đốc Sở TNMT tỉnh B. (Có văn bản đề nghị vắng mặt)

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh B

3. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh B

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện T, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T. (Có mặt)

III. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960 (ủy quyền cho bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963)

Địa chỉ: Thôn Công H, xã Hà M, huyện T, tỉnh B. (Bà Chinh có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện trình bày:

Đất của gia đình bà trước đây có tổng diện tích được giao và thực tế sử dụng là 524m², trước khi thu hồi đất làm đường thì gia đình chưa được cấp sổ. Nguồn gốc diện tích đất này tại thôn Công H, xã Hà M của gia đình bà là do ông cha để lại cho bà, và bà đã sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

Tại dự án xây dựng nâng cấp TL282 đoạn K -Đông C huyện T gia đình bà bị thu hồi tổng cộng là 195m² nhưng mới chỉ được lập phương án bồi thường đối với 35m², còn lại 160m² lại không được bồi thường. Việc các cơ quan có thẩm quyền cho rằng diện tích đất 160m² là thuộc hành lang giao thông là không đúng vì đất của bà sử dụng hợp pháp trước ngày 15/10/1993.

Về số tiền bồi thường đối với 35m², gia đình bà đã nhận số tiền bồi thường này, cụ thể em chồng Nguyễn Văn K nhận tiền bồi thường đối với 10,5m² năm 2008; còn vợ chồng bà nhận tiền bồi thường đối với 24,5m² vào năm 2017.

Đất của gia đình bà trước đây có tổng diện tích được giao và thực tế sử dụng là 524m², trước khi thu hồi đất làm đường thì gia đình chưa được cấp sổ. Sau khi thu hồi diện tích 35m² thì phải còn lại 489m². Nhưng khi cấp lại sổ thì chỉ cấp lại cho gia đình bà là 181m² (cấp năm 2012) và cấp sổ đỏ của ông Nguyễn Văn K (em họ chồng bà) được cấp là 148m² (năm 2011); tổng gia đình bà mới được cấp sổ đỏ là 329m²; còn thiếu 160m² gia đình bà chưa được cấp sổ đỏ. Gia đình bà và gia đình anh K đã thống nhất toàn bộ về đất đai, toàn bộ diện tích 160m² đất này là của vợ chồng bà (T1 C), không liên quan đến ai khác nữa. Đối với phần tiền bồi thường 10,5m² và sổ đỏ là 148m² cấp năm 2011 của gia đình anh Nguyễn Văn K thì gia đình anh K đã nhận và không còn liên quan gì nữa.

Sau khi nhận tiền bồi thường nêu trên thì bà đã làm thủ tục đề nghị cấp sổ đỏ cho diện tích 160m² của bà nhưng không được vì chính quyền trả lời đất đó thuộc hành lang giao thông. Do đó bà đã nhiều lần khiếu nại đến Chủ tịch huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt: UBND) tỉnh B yêu cầu phải bồi thường cho gia đình bà 160m² thu hồi này. Sau đó Chủ tịch UBND huyện T và Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại vụ việc của bà nhưng lại không chấp nhận đề nghị của bà.

Sau khi bà tiếp tục khiếu nại nhiều lần thì ngày 09/6/2021 Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Văn bản số 1689/UBND-NC về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị C.

Nay bà C khởi kiện đề nghị Tòa án:

- Hủy Văn bản số 1689/UBND-NC ngày 09/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị C.

- Buộc UBND huyện T trả lại bà 160m² đất do nhà nước thu hồi không bồi thường khi thực hiện dự án xây dựng nâng cấp TL282 đoạn K-Đông C huyện T.

Đồng thời, bà C đề nghị Tòa án xem xét lại các Quyết định thu hồi đất, Quyết định giải quyết khiếu nại trước đây đối với vụ việc này không đúng quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà.

* Chủ tịch UBND tỉnh B trình bày:

Bà Nguyễn Thị C đề nghị nhà nước bồi thường 160m² đất hành lang đường tỉnh lộ 282 (nay là QL17) ngoài 35m² đã được bồi thường tại vị trí ao Phe, thôn Công H, xã Hà M, huyện T theo Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 02/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Trong thời gian từ năm 2008 đến năm 2020, bà C liên tục có đơn khiếu nại, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét nội dung liên quan đến sự việc trên; Chủ tịch UBND huyện T đã có quyết định giải quyết khiếu nại (lần 1); Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2), việc giải quyết khiếu nại đã hết thẩm quyền.

UBND huyện T ban hành nhiều Kết luận, văn bản trả lời nhưng công dân không nhất trí. Ngày 25/9/2018, UBND huyện T ban hành Văn bản số 958/UBND-NC ngày 25/9/2018 trả lời nội dung đơn của bà Nguyễn Thị C với nội dung: “Việc bà C đề nghị bồi thường đã được giải quyết, nội dung đề nghị đã được UBND huyện xem xét, kết luận; đơn của bà Nguyễn Thị C không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện” là phù hợp với quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Bà C không đồng ý tiếp tục gửi đơn đến Chủ tịch UBND tỉnh.

Ngày 22/10/2020, tại Văn bản số 3679/UBND-NC Chủ tịch UBND tỉnh giao cho Thanh tra tỉnh chủ trì phối hợp với các cơ quan kiểm tra, rà soát nội dung công dân không nhất trí với Công văn số 958/UBND-NC ngày 25/9/2018 của UBND huyện T.

Ngày 29/10/2020, Chánh Thanh tra tỉnh B ban hành Quyết định số 63/QĐ-TTr.NV2 về việc thành lập Tổ công tác liên ngành kiểm tra, rà soát đơn của bà Nguyễn Thị C, thôn Công H, xã Hà M, huyện T.

Nguồn gốc thửa đất phát sinh khiếu kiện

Theo lời khai của gia đình bà C: Thửa đất có nguồn gốc là Ao Phe, thôn Công H, xã Hà M do cụ Nguyễn Văn T sử dụng, đã được nhà nước công hữu hóa trước năm 1992.

Theo tài liệu địa chính: Theo bản đồ đo đạc năm 1978, thửa đất bà C đang có đơn nằm trong thửa đất số 105 tờ bản đồ số 01 tỷ lệ 1/1000 (bản đồ xanh cũ) có diện tích 524m² thuộc vị trí giáp Ao Phe, thôn Công H, xã Hà M. Theo sổ mục kê đất năm 1995 xã Hà M, tại trang số 3 quyển số 2 có ghi: “ thửa đất số 105 tờ bản đồ số 01 thôn Công H, diện tích 524m², tên chủ sử dụng đất: Ao - UBND xã, loại đất NN/Hg”; Tại trang số 3 quyển số 3 Sổ mục kê đất ngày 25/7/1996 xã Hà M có ghi: “thửa đất số 105 tờ bản đồ số 01 thôn Công H, diện tích 524m², tên chủ sử dụng đất: UBND xã, loại đất NN/Hg”. Tại vị trí thửa đất trên: Năm 1992, Ban quản lý thôn Công H giao trái thẩm quyền khu đất, trong đó: Giao cho ông Nguyễn Văn V (anh con bác ông K) và bà Nguyễn Thị N (chị gái bà C); theo sơ đồ giao đất của thôn Công H, diện tích mỗi thửa là 90m² (6m x 15m), mặt giáp TL 282 là 6m.

Quá trình thu hồi đất mở rộng đường TL 282

Ngày 14/3/2006, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 347/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và giao đất cho BQL dự án Sở Giao thông vận tải đề xây dựng nâng cấp TL282 đoạn K-Đông C, huyện T (đợt 1), trong đó: Hộ ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị (không rõ tên) thửa đất số 40 tờ bản đồ số 13 xã

Hà M, loại đất ONT, diện tích thu hồi là 139m^2 (diện tích bồi thường 12m^2 , diện tích hành lang là 127m^2).

Ngày 07/6/2007, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 757/QĐ - UBND thu hồi đất và giao BQLDA- Sở Giao thông vận tải để xây dựng nâng cấp TL 282, trong đó có $3.715,3\text{m}^2$ đất xã Hà M.

Biên bản xác định hiện trạng tài sản nằm trên tuyến đường TL282 cần phải GPMB (ghi ngày 25/01/2008) giữa đại diện Hội đồng bồi thường GPMB, Trưởng thôn Công H và ông Nguyễn Văn K xác định: Tờ bản đồ số 13, số thửa 40; nguồn gốc đất: Thôn bán năm 1992 (ao); Diện tích bồi thường $10,5\text{m}^2$; Diện tích thu hồi 139m^2 ; chỉ giới cách tìm đường 12,5m.

Biên bản làm việc ngày 25/01/2008 giữa đại diện Hội đồng bồi thường GPMB, đại diện UBND xã Hà M với ông Nguyễn Văn Đ - nguyên Trưởng thôn Công H, ông Biện Xuân T - Trưởng thôn Công H giai đoạn năm 1989-1994 xác định: Đất của ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn K thửa đất số 40 tờ bản đồ số 13 theo bản đồ GPMB tỷ lệ 1/500 theo lời cung cấp của các ông nguyên Trưởng thôn giai đoạn năm 1989-1994 thì các hộ trên được thôn giao trái thẩm quyền năm 1992 có chỉ giới cách tìm đường tỉnh lộ 282 là 12,5m.

Bản vẽ sơ đồ thửa đất do Cơ quan đo đạc - NXB bản đồ và UBND xã Hà M vẽ (không ghi ngày) Số hiệu thửa đất: 40, số hiệu mảnh bản đồ gốc 13; Tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị C. Tổng diện tích thửa đất $470,5\text{m}^2$; diện tích đất chiếm dụng làm đường 139m^2 ; diện tích đất ngoài hành lang giải tỏa $331,5\text{m}^2$.

Bảng thống kê diện tích đất thu hồi (gói 01) do tổ công tác GPMB lập năm 2008: chủ hộ Nguyễn Văn K, trên bản đồ thu hồi đất: Tờ bản đồ thu hồi số 13, số thửa 40, diện tích $470,4\text{m}^2$; Trên bản đồ địa chính: Tờ bản đồ 01, số thửa 105, diện tích 524m^2 , loại đất ONT, vị trí 1; Tổng diện tích thu hồi 139m^2 , diện tích bồi thường $10,5\text{m}^2$, diện tích trong hành lang $128,5\text{m}^2$.

Ngày 19/5/2008, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 638/QĐ-UBND phê duyệt phương bán bồi thường khi thu hồi đất, trong đó: hộ ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn T1 (bà C) được bồi thường diện tích $10,5\text{m}^2$, đơn giá: 1.470.000 đồng, thành tiền 15.435.000 đồng (có chữ ký nhận của ông Nguyễn Văn K). Như vậy, diện tích bồi thường không đúng với Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 14/3/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh (giảm $1,5\text{m}^2$).

Bảng bổ sung kinh phí bồi thường kèm theo Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 19/5/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh, ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị C được bồi thường $10,5\text{m}^2$ tương ứng số tiền là 15.435.000 đồng (ông K có ký nhận).

Ngày 09/8/2012, UBND huyện T ban hành Quyết định số 252/QĐ-UBND về việc bổ sung kinh phí bồi thường khi thu hồi đất để xây dựng nâng cấp đường TL282 đoạn K - Đông C, theo đó bổ sung kinh phí bồi thường thiệt hại về đất khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn T1 (chồng bà C), diện tích bồi thường bổ sung là $24,5\text{m}^2$, đơn giá là 7.384.000 đồng/ m^2 , thành tiền là 180.908.000 đồng (bồi thường bổ sung sau khi có Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của UBND tỉnh).

Ngày 31/3/2017, tại Ban QLDAXD giao thông – Sở Giao thông vận tải, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị C đã nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo Quyết định số 252/QĐ-UBND của UBND huyện T; các ông bà đã viết cam kết không có khiếu nại về diện tích đã được bồi thường.

Việc giải quyết đơn của UBND huyện T

Không đồng ý với diện tích được bồi thường theo Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 19/5/2008, ông Nguyễn Văn T có đơn khiếu nại đề nghị Chủ tịch UBND huyện T giải quyết (ông T có ủy quyền cho ông Nguyễn Văn K là con trai và bà Nguyễn Thị C là cháu).

Ngày 26/11/2009, Chủ tịch UBND huyện đó ban hành Quyết định số 455/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của ông T (quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu), theo đó: “Hai thửa đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn T1 ở khu vực Ao Phe, thôn Công H được BQL thôn Công H giao đất sai thẩm quyền cho 02 hộ gia đình năm 1992, mỗi thửa có diện tích là 90m² (02 hộ là 180m²) thuộc thửa đất ao có diện tích là 524m² có nguồn gốc của gia đình ông Nguyễn Văn T (ông T là bố ông K), nhưng thửa ao này đã được công hữu từ trước năm 1992. Việc Hội đồng bồi thường GPMB đường TL 282 huyện T thực hiện bồi thường 10,5m² đất ở cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn T1 là không có cơ sở pháp lý. Giải quyết cho hộ Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T1 được nhận bồi thường 35m² đất ở mà hộ gia đình ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T1 đã nhận bồi thường, đồng thời xem xét diện tích đất ở còn lại của 02 hộ để xử lý theo Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ”.

Bà Nguyễn Thị C có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích còn lại khoảng 160m² sau khi được nhà nước giải phóng mặt bằng đường TL 282 (nay là QL 17); UBND huyện T giao phòng Tài nguyên và Môi trường huyện xem xét giải quyết.

Ngày 22/3/2018, UBND huyện T ban hành Kết luận số 272/KL-UBND, theo đó kết luận: “Phần diện tích hộ bà Nguyễn Thị C đề nghị cấp giấy chứng nhận QSD đất khoảng 160m² nay thuộc lòng đường và vỉa hè đường QL 17 không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở đã được GPMB để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp đường TL 282. Do vậy, không đủ điều kiện để công nhận và cấp giấy CNQSD đất ở cho gia đình bà C”.

Không đồng ý Kết luận số 272/KL-UBND, bà C tiếp tục có đơn kiến nghị xem xét, giải quyết và chi trả quyền lợi 160m² sau khi được nhà nước giải phóng mặt bằng đường TL 282 (nay là QL17) cho hộ gia đình bà. Ngày 18/4/2018, UBND huyện T ban hành Kết luận số 366/KL-UBND về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị C, theo đó kết luận: “Nội dung đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị C đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết và chi trả quyền lợi 160m² sau khi được nhà nước giải phóng mặt bằng đường TL 282 (nay là QL 17) cho hộ bà C đã được UBND huyện, UBND tỉnh ban hành quyết định về việc giải quyết đơn, nay không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện”.

Bà C tiếp tục không đồng ý với Kết luận số 272/KL-UBND, số 366/KL-UBND của UBND huyện T. Sau khi tổ chức đối thoại và giao cơ quan chuyên

môn rà soát việc giải quyết đơn của công dân, UBND huyện T ban hành Công văn số 958/UBND-NC ngày 25/9/2018 về trả lời đơn của công dân.

Việc giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 455/QĐ-UBND ngày 26/11/2009 của Chủ tịch UBND huyện T, ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn T1 tiếp tục có đơn khiếu nại (lần 2) đến UBND tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh đã giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường xác minh.

Ngày 13/10/2010, Sở Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 15/KL-TNMT về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị C, theo đó Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với hướng giải quyết của Chủ tịch UBND huyện T tại Quyết định số 455.

Ngày 02/12/2010, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1701/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị C (Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2), theo đó: “Thống nhất với Kết luận số 15/KL-TNMT ngày 13/10/2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường và yêu cầu UBND huyện T tiếp tục chỉ đạo thực hiện Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 26/11/2009”.

Không đồng ý với Quyết định số 1701/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh, bà Nguyễn Thị C tiếp tục có đơn gửi nhiều nơi, nhiều cấp, bà C tiếp tục đề nghị bồi thường 160m² đất hành lang đường TL 282 (nay là QL17) ngoài 35m² đã được bồi thường là không có căn cứ.

Ngày 09/6/2021, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Văn bản số 1689/UBND-NC về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị C, theo đó Chủ tịch UBND tỉnh trả lời bà Nguyễn Thị C như sau:

- Các khiếu nại của gia đình bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn K đã được các cấp có thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc UBND huyện T ban hành Văn bản số 958/UBND-NC ngày 25/9/2018 trả lời nội dung đơn của bà Nguyễn Thị C là phù hợp với quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

- Việc bà Nguyễn Thị C đề nghị bồi thường 160m² đất hành lang đường TL 282 (nay là QL17) ngoài 35m² đã được bồi thường là không có căn cứ vì những lý do sau:

- + Thừa đất công dân đang đề nghị được BQL thôn Công H, xã Hà M giao trái thẩm quyền năm 1992 cho hộ bà Nguyễn Thị N (nay là bà Nguyễn Thị C) và hộ ông Nguyễn Văn V (nay là ông Nguyễn Văn K), theo sơ đồ giao đất của BQL thôn Công H, kích thước mỗi thửa là 90m² (6m x 15m), mặt giáp TL 282 là 6m; khi giao đất đã trừ hành lang TL 282 khoảng cách tim đường 12,5m.

- + Khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng, nâng cấp đường TL282 đã bồi thường cho hai hộ là 35m² (hộ ông Nguyễn Văn K đã ký vào giấy biên nhận tiền bồi thường là 10,5m², hộ bà Nguyễn Thị C đã ký vào giấy biên nhận tiền bồi thường là 24,5m²). Ngày 31/3/2017, khi nhận tiền bồi thường 02 hộ đã viết cam kết không khiếu nại về nội dung trên.

- + Diện tích đất hai hộ đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ là 329 m² (hộ ông Nguyễn Văn K là 148m², hộ bà Nguyễn Thị C là 181 m²), tăng so với diện tích đất giao trái thẩm quyền năm 1992 là 149m² và tăng so với diện tích

đất thực tế sử dụng của hộ gia đình được Đoàn thanh tra huyện T, UBND xã Hà M, BQL thôn Công H xác định ngày 02/10/2009 là 47m².

- Yêu cầu các hộ gia đình thực hiện đăng ký biến động về đất đai tại cơ quan có thẩm quyền; tháo dỡ công trình vi phạm Luật Đất đai, vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ

Chủ tịch UBND tỉnh B đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C liên quan đến nội dung trên.

* Đại diện UBND huyện T:

Diện tích 160m² bà C đang kiện thì trước đây gia đình bà C đã làm thủ tục đề nghị cấp GCN nhưng UBND huyện đã trả lời là đất hành lang giao thông nên không đủ điều kiện cấp GCN.

Diện tích đất này là đất giao trái thẩm quyền; khi thu hồi đất không đủ điều kiện bồi thường và đã được Chủ tịch huyện, Chủ tịch tỉnh trả lời, giải quyết khiếu nại. Đối với diện tích của bà C đủ điều kiện được bồi thường và đủ điều kiện cấp GCN thì đều đã được bồi thường đầy đủ, đã được cấp GCN theo đúng quy định pháp luật.

Nay bà C tiếp tục kiện vụ án hành chính tại Tòa án thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. UBND huyện T giữ nguyên các văn bản hành chính đã ban hành.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị C giữ nguyên toàn bộ các yêu cầu khởi kiện và cho rằng đất của gia đình bà là do bố mẹ cho, khi bố mẹ bà mua thì đã nộp tiền đầy đủ; bà đã sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

- Đại diện UBND huyện T trình bày nguồn gốc đất của hộ bà C được giao trái thẩm quyền từ năm 1992, Thời điểm giao đất chính quyền thôn đã giao cả vào chỉ giới hành lang giao thông với diện tích là 160m², phần diện tích đất còn lại phù hợp với quy hoạch thì đã được công nhận trong đó có 35m² thuộc trường hợp thu hồi làm đường và hộ bà C đã nhận tiền bồi thường. Phần diện tích đất còn lại của hộ bà C đã được cấp GCNQSD theo hiện trạng sử dụng. UBND huyện T vẫn giữ nguyên các Quyết định hành chính đã ban hành.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng hành chính theo quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên; sau khi thảo luận và nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Chủ tịch UBND tỉnh B và ông Đàm Đình Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án, xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp quy định tại Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 09/6/2021, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Văn bản số 1689/UBND-NC về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị C. Ngày 08/02/2022, bà Nguyễn Thị C gửi đơn khởi kiện. Ngày 10/5/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã thụ lý vụ án. Căn cứ Quyết định tách vụ án hành chính số 01/2022/QĐ-TA ngày 24/10/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh; Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết vụ án “Yêu cầu hủy văn bản trả lời đơn về việc thu hồi đất” là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền cũng như thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về yêu cầu hủy Văn bản số 1689/UBND-NC ngày 09/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị C:

[2.1] Về thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành:

Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Văn bản số 1689/UBND-NC ngày 09/6/2021 việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị C đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục theo quy định của Luật khiếu nại.

[2.2] Về nội dung quyết định hành chính:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử, thấy:

Thửa đất số 105 tờ bản đồ số 01 tỷ lệ 1/1000 có diện tích 524m² thuộc vị trí giáp ao Phe, thôn Công H, xã Hà M, huyện T; nguồn gốc do cụ Nguyễn Văn T (bố ông K, cậu chồng bà C) sử dụng, đã đưa vào công hữu hóa trước năm 1992. Năm 1992, thôn Công H giao trái thẩm quyền cho: ông Nguyễn Văn V (anh con bác ông K) và bà Nguyễn Thị N (chị gái bà C); kích thước mỗi thửa là 90m², 6m x 15m, mặt giáp TL 282 là 6m; khi giao đất đã trừ hành lang TL 282 khoảng cách tìm đường 12,5m.

Khi nhà nước thu hồi đất, Hội đồng GPMB đã bồi thường cho hộ ông Nguyễn Văn K và hộ ông Nguyễn Văn T1 (bà C) là 35m² (10,5m² + 24,5 m²), tổng số tiền là 196.343.000 đ (15.435.000đồng + 180.908.000đồng).

Theo diện tích đất đo ngày 02/10/2009 của Đoàn thanh tra huyện T, UBND xã Hà M và BQL thôn Công H kiểm tra thực tế sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn T1 đến thời điểm trước khi mở rộng đường TL 282 là 477m² thì đất HL đường là 160m², đất bị GPMB 35m²; diện tích đất còn lại là 282m².

Năm 2011, hộ ông Nguyễn Văn K được cấp 148m², trong khi thửa đất hộ ông Nguyễn Văn K mua trái thẩm quyền của thôn năm 1992 là 90m². Năm 2012, hộ ông Nguyễn Văn T1 (bà C) được cấp GCNQSD đất tổng 181m² trong khi thửa đất hộ bà N (ông T1, bà C) mua trái thẩm quyền của thôn năm 1992 là 90m². Diện tích đất hai hộ đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ là 329m² (hộ ông Nguyễn Văn K là 148m², hộ bà Nguyễn Thị C là 181m²), tăng so với diện tích đất giao trái thẩm quyền năm 1992 là 149m² và tăng so với diện tích

đất thực tế sử dụng của hộ gia đình được Đoàn thanh tra huyện T, UBND xã Hà M, BQL thôn Công H xác định ngày 02/10/2009 là 47m².

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định toàn bộ khu đất của gia đình bà C có nguồn gốc là đất đã công hữu hóa trước năm 1992 thuộc quản lý của UBND xã Hà M. Năm 1992, thôn Công H giao trái thẩm quyền cho: ông Nguyễn Văn V (anh con bác ông K) và bà Nguyễn Thị N (chị gái bà C); kích thước mỗi thửa là 90m². Việc bà C cho rằng toàn bộ diện tích đất 524m² của gia đình bà sử dụng là đất ông cha để lại là không đúng. Khi thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng nâng cấp TL282 đoạn K-Đông C huyện T đã thu hồi và lập phương án bồi thường tổng cộng 35m² cho gia đình bà C, gia đình bà cũng đã nhận tiền bồi thường và không có ý kiến gì. Đồng thời, đối với diện tích mua trái thẩm quyền 90m²/1 lô của ông V, bà N nêu trên thì đến năm 2011-2012 hộ ông Nguyễn Văn T1 (bà C) được cấp GCNQSD đất tổng 181m²; hộ ông Nguyễn Văn K được cấp 148m². Như vậy, quyền lợi của gia đình bà C đã được đảm bảo, không thiệt. Đối với diện tích 160m² bà C đang yêu cầu bồi thường đã được xác định là đất HL đường.

Sau khi đã thống nhất nhận tiền bồi thường khi thu hồi đất, bà Nguyễn Thị C có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích còn lại 160m² nêu trên và đã được Chủ tịch UBND huyện T giải quyết tại Kết luận số 272/KL-UBND ngày 22/3/2018; Kết luận số 366/KL-UBND ngày 18/4/2018; Công văn số 958/UBND-NC ngày 25/9/2018 về trả lời đơn của công dân.

[3] Từ những nhận định nêu trên, việc bà Nguyễn Thị C đề nghị bồi thường 160m² được xác định là đất hành lang đường TL 282 (nay là QL17) ngoài 35m² đã được bồi thường là không có căn cứ. Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do bà Nguyễn Thị C thuộc hộ gia đình cận nghèo nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C. Cụ thể:

- Bác yêu cầu về việc Hủy Văn bản số 1689/UBND-NC ngày 09/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị C.

- Bác yêu cầu về việc yêu cầu UBND huyện T trả lại bà C 160m² đất do nhà nước thu hồi không bồi thường khi thực hiện dự án xây dựng nâng cấp TL282 đoạn K-Đông C huyện T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- *TAND cấp cao;*
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP- THC.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Tuấn Anh